

**BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP LỚP TPL23B2KH
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2023-2024**

STT	MSHS	Họ và tên	Ngày sinh	Giáo dục QP - An ninh(2)	Tiếng anh(4)	Nghề nghiệp vụ ĐK và QL hộ tịch(2)	Pháp luật về công chứng, chứng thực(1)	Luật Hôn nhân và Gia đình(2)	Luật Thuế(1)	Luật Tài chính(2)	Luật Thương mại(2)	Điểm TB	Xếp loại
01	2353801015299	Đoàn Văn Dề	01/01/1975	8.7	8.2	9.6	7.6	5.6	6.0	8.4	7.2	7.7	Khá
02	2353801015300	Nguyễn Thị Huỳnh Như	04/10/2003	9.4	8.5	9.9	7.4	5.6	7.9	7.1	8.4	8.0	Giỏi
03	2353801015302	MATH SA RI	18/08/1968	9.6	8.8	9.9	7.7	5.8	9.1	7.9	6.3	8.0	Giỏi
04	2353801015303	Vũ Đình Sơn	07/02/1998	9.8	9.4	9.9	7.7	6.6	8.5	7.1	7.5	8.3	Giỏi
05	2353801015305	Phạm Hồng Thái	29/09/1981	9.8	9.6	9.9	8.8	6.1	8.2	7.4	7.2	8.3	Giỏi
06	2353801015306	Trần Thị Thắm	20/07/1984	9.9	5.7	9.9	7.7	5.5	7.3	8.8	6.6	7.1	Khá
07	2353801015307	Nguyễn Phúc Thành	17/04/1987	9.8	8.7	9.6	7.6	6.3	6.6	8.4	8.4	8.2	Giỏi
08	2353801015308	Đoàn Văn Thi	06/09/1976	9.0	7.6	9.5	7.7	5.6	7.2	6.6	6.6	7.3	Khá
09	2353801015309	Hồ Văn Thích	09/09/1982	9.8	8.8	9.9	7.7	6.3	7.9	8.4	8.4	8.3	Giỏi
10	2353801015310	Dương Bảo Toàn	07/02/1986	9.1	8.6	9.9	7.6	6.4	8.1	6.6	6.6	7.8	Khá
11	2353801015311	Huỳnh Ngọc Thùy Trang	15/01/1983	9.9	8.1	9.9	7.7	5.9	9.4	6.3	7.8	7.8	Khá
12	2353801015314	Huỳnh Ngọc Trọng	19/01/2004	8.1	9.5	9.7	7.7	6.2	8.5	7.2	8.1	8.3	Giỏi
13	2353801015315	Lâm Trung Trục	21/03/2005	8.8	8.8	9.7	7.7	7.0	7.9	6.8	6.9	8.0	Giỏi
14	2353801015316	Phùng Thành Tú	28/02/1998	9.2	8.4	9.5	7.6	6.9	7.5	4.7	7.2	7.5	Khá
15	2353801015317	Phạm Văn Tuấn	24/10/1976	9.9	8.9	9.9	8.0	5.9	7.2	6.8	7.5	7.9	Khá
16	2353801015318	Thái Văn Út	15/03/1986	9.3	9.5	9.9	9.4	6.3	8.8	6.8	7.2	8.3	Giỏi
17	2353801015319	Hàng Thị Ái Vân	06/07/1997	9.2	8.4	9.4	7.6	7.1	5.4	4.2	6.3	7.2	Khá
18	2353801015320	Lê Thị Kim Yển	30/05/2003	8.6	7.9	9.6	6.9	6.3	8.1	6.1	7.2	7.5	Khá
19	2353801015376	Lê Nguyễn Thị Tú Yên	18/10/2004	9.1	9.0	9.6	7.7	5.6	7.5	7.0	7.5	7.9	Khá

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. Đào tạo

Châu Đốc, ngày 10 tháng 6 năm 2025
Người lập bảng

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Quốc Thái